



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32

CH
C
H
H
H

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy lưới Thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 14 ngày 06 tháng 05 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh Hải	Chủ tịch	
Ông Lê Hải Tú	Ủy viên	
Ông Bùi Hắc Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/04/2017
Ông Nguyễn Trung Nghị	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hồng Lương	Ủy viên	
Ông Trần Văn Tuấn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 01/04/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hải Tú	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thái Học	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/11/2017
Ông Bùi Hắc Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2017
Bà Lê Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Huỳnh Thị Tuyết Trâm	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Trúc	Thành viên	
Bà Bùi Thị Thu Nga	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 01/04/2017
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/04/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Hải Tú

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây được lập ngày 10 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

106-C H
NH
NH
TOÀ
CHI

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2018

Trần Hà Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2284-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		28.697.487.281	20.213.546.121
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.523.780.192	5.878.763.871
111	1. Tiền		1.523.780.192	5.878.763.871
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.116.659.014	3.400.094.037
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.949.010.889	3.141.391.675
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	330.250.000	330.250.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	128.645.763	233.700.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(291.247.638)	(305.247.638)
140	IV. Hàng tồn kho	8	22.424.315.970	10.863.531.079
141	1. Hàng tồn kho		22.424.315.970	10.863.531.079
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		632.732.105	71.157.134
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		632.732.105	71.157.134
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.018.230.031	18.905.561.062
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		144.000.000	100.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	144.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		16.874.230.031	18.805.561.062
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	16.874.230.031	18.805.561.062
222	- Nguyên giá		46.982.418.424	48.495.737.111
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.108.188.393)	(29.690.176.049)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	-	-
231	- Nguyên giá		1.513.318.687	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.513.318.687)	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		45.715.717.312	39.119.107.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.107.521.704	9.035.127.783
310	I. Nợ ngắn hạn		15.043.521.704	8.971.127.783
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	6.515.160.178	391.498.723
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	292.078.964	142.481.293
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	552.227.478	452.893.932
314	4. Phải trả người lao động		1.569.535.854	1.967.723.465
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	60.942.427	58.333.333
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	300.000.000	300.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.373.141.125	3.091.947.696
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	4.287.467.480	2.500.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		92.968.198	66.249.341
330	II. Nợ dài hạn		64.000.000	64.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	64.000.000	64.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.608.195.608	30.083.979.400
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	30.608.195.608	30.083.979.400
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		19.654.400.000	19.654.400.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		19.654.400.000	19.654.400.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.681.066.443	3.681.066.443
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.272.729.165	6.748.512.957
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		3.591.046.287	2.732.548.488
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		3.681.682.878	4.015.964.469
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		39.115.717.312	39.119.107.183



Nguyễn Huy Long
Người lập



Lê Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lê Hải Tú
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	97.379.329.828	93.401.738.777
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.379.329.828	93.401.738.777
11	4. Giá vốn hàng bán	21	88.794.680.713	82.998.259.616
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.584.649.115	10.403.479.161
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	7.328.964	46.502.904
22	7. Chi phí tài chính	23	145.869.259	56.095.223
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		145.861.927	56.095.223
25	8. Chi phí bán hàng	24	215.176.862	260.555.920
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.399.114.584	5.026.837.586
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.831.817.374	5.106.493.336
31	11. Thu nhập khác	26	1.808.016.674	56.960
32	12. Chi phí khác	27	324.200	40.504.058
40	13. Lợi nhuận khác		1.807.692.474	(40.447.098)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.639.509.848	5.066.046.238
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	957.826.970	1.050.081.769
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.681.682.878</u>	<u>4.015.964.469</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.873	2.043

(Handwritten signatures)



Nguyễn Huy Long
Người lập

Lê Thị Phương Dung
Kế toán trưởng

Lê Hải Tú
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.639.509.848	5.066.046.238
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.931.331.031	1.944.888.301
03	- Các khoản dự phòng		(14.000.000)	(72.732.820)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.332	(24.285)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.328.964)	(46.478.619)
06	- Chi phí lãi vay		145.861.927	56.095.223
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(1.800.000.000)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.895.381.174	6.947.794.038
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.308.139.948)	(1.157.523.647)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(11.560.784.891)	1.669.907.723
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.505.366.163	1.739.654.232
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	364.537.670
14	- Tiền lãi vay đã trả		(143.252.833)	(58.480.686)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(612.218.897)	(238.029.871)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.872.815	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(582.548.628)	(695.775.800)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.799.325.045)	8.572.083.659
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(672.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.328.964	46.478.619
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.328.964	(625.521.381)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		24.132.236.171	8.492.385.407
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(22.344.768.691)	(10.649.548.386)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.350.447.746)	(2.499.820.335)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(562.980.266)	(4.656.983.314)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.354.976.347)	3.289.578.964

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.878.763.871	2.589.160.622
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(7.332)	24.285
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.523.780.192</u>	<u>5.878.763.871</u>



Nguyễn Huy Long
Người lập

Lê Thị Phương Dung
Kế toán trưởng

Lê Hải Tú
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy lưới Thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 14 ngày 06 tháng 05 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 19.654.400.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 19.654.400.000 đồng; tương đương 1.965.440 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh lưới thép.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: sản xuất sắt thép (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: sản xuất kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: mua bán sắt thép, kim loại màu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết mua bán vật liệu xây dựng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Đồng Nai - Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây
Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây

Địa chỉ

Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, tỉnh Đồng Nai
Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất kinh doanh lưới thép
Sản xuất kinh doanh lưới thép

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải; truyền dẫn	10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08	năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động là nhà giới thiệu sản phẩm và nhà xưởng có thời gian khấu hao 5 - 50 năm. Tại thời điểm 31/12/2017 bất động sản đầu tư có nguyên giá là 1.513.318.687 VND và đã hết khấu hao.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 . Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	248.325.203	239.463.910
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.275.454.989	5.639.299.961
	1.523.780.192	5.878.763.871

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Bình Long	174.244.426	174.244.426
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Tiêu Điem	187.236.720	76.239.900
- Công ty TNHH Trương Hoàng Phúc	786.807.236	952.194.526
- Doanh nghiệp tư nhân Tân Phú Hòa	178.354.657	307.911.560
- Doanh nghiệp tư nhân Thảo Hương	244.899.520	452.396.000
- Công ty Cổ phần Tân Nam Đô	235.334.280	243.006.991
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	517.573.650	-
- Công Ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Dây Và Cáp Điện Tài Trường Thành	504.448.340	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.120.112.060	935.398.272
	3.949.010.889	3.141.391.675
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	115.526.950	73.373.300
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng	300.000.000	-	300.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	30.250.000	-	30.250.000	-
	330.250.000	-	330.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	128.645.763	-	233.700.000	-
	128.645.763	-	233.700.000	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	144.000.000	-	100.000.000	-
	144.000.000	-	100.000.000	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Cửa hàng Vật liệu xây dựng Bình Long	174.244.426	-	174.244.426	-
- Công ty TNHH Nguyễn Phong	86.064.797	-	86.064.797	-
- Công ty CP Xây dựng vận tải Hiệp Hưng	30.938.415	-	44.938.415	-
	291.247.638	-	305.247.638	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.767.160.635	-	2.646.444.451	-
Công cụ, dụng cụ	4.394.050	-	16.510.086	-
Thành phẩm	9.652.761.285	-	8.200.576.542	-
	22.424.315.970	-	10.863.531.079	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	18.903.919.549	25.295.822.779	4.245.994.784	49.999.999	48.495.737.111
- Phân loại lại sang BDS đầu tư	(1.513.318.687)	-	-	-	(1.513.318.687)
Số dư cuối năm	17.390.600.862	25.295.822.779	4.245.994.784	49.999.999	46.982.418.424
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.777.966.904	19.604.447.055	2.295.262.090	12.500.000	29.690.176.049
- Khấu hao trong năm	653.348.185	925.377.322	346.355.524	6.250.000	1.931.331.031
- Phân loại lại sang BDS đầu tư	(1.513.318.687)	-	-	-	(1.513.318.687)
Số dư cuối năm	6.917.996.402	20.529.824.377	2.641.617.614	18.750.000	30.108.188.393
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.125.952.645	5.691.375.724	1.950.732.694	37.499.999	18.805.561.062
Tại ngày cuối năm	10.472.604.460	4.765.998.402	1.604.377.170	31.249.999	16.874.230.031

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.241.905.516 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.386.917.248 VND

10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động là nhà giới thiệu sản phẩm và nhà xưởng có thời gian khấu hao 5 - 50 năm. Tại thời điểm 31/12/2017 bất động sản đầu tư có nguyên giá là 1.513.318.687 VND và đã hết khấu hao.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Kỹ Thuật Đầu Tư E.T.E.C	-	-	81.807.000	81.807.000
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Nhà & Đầu tư IDICO	118.289.004	118.289.004	178.222.560	178.222.560
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cát Tường	95.043.350	95.043.350	95.043.350	95.043.350
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	74.287.465	74.287.465	34.742.793	34.742.793
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh	6.071.496.376	6.071.496.376	-	-
Phải trả các đối tượng khác	156.043.983	156.043.983	1.683.020	1.683.020
	<u>6.515.160.178</u>	<u>6.515.160.178</u>	<u>391.498.723</u>	<u>391.498.723</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<u>6.145.783.841</u>	<u>6.145.783.841</u>	<u>34.742.793</u>	<u>34.742.793</u>

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Thương mại Traco Long An	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Thép Đoàn Kết	-	22.893.416
Công ty TNHH Mai Thảo	57.475.000	-
Doanh nghiệp tư nhân An Thịnh Sơn	20.000.000	-
Công ty TNHH Tín Nghĩa	30.937.500	-
Người mua trả trước khác	111.666.464	47.587.877
	<u>292.078.964</u>	<u>142.481.293</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		266.054.896		1.517.245.354		1.728.039.256		-			55.260.994
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		151.358.411		957.826.970		612.218.897		-			496.966.484
Thuế Thu nhập cá nhân	-		35.480.625		208.680.889		244.161.514		-			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		2.181.032.995		2.181.032.995		-			-
Các loại thuế khác	-		-		5.000.000		5.000.000		-			-
	-		452.893.932		4.869.786.208		4.770.452.662		-			552.227.478

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	5.942.427	3.333.333
- Chi phí phải trả khác	55.000.000	55.000.000
	60.942.427	58.333.333

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	300.000.000

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	-	32.991.951
- Bảo hiểm xã hội	-	124.640.035
- Bảo hiểm y tế	-	21.570.795
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	9.587.020
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	123.100.000	107.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.054.095.006	849.470.752
- Phải trả Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan	-	1.800.000.000
- Phải trả tiền phụ cấp cho HĐTV	120.000.000	78.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.946.119	68.587.143
	1.373.141.125	3.091.947.696
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	64.000.000	64.000.000
	64.000.000	64.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**17 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	24.132.236.171	22.344.768.691	4.287.467.480	4.287.467.480
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (*)	2.500.000.000	2.500.000.000	24.132.236.171	22.344.768.691	4.287.467.480	4.287.467.480
	2.500.000.000	2.500.000.000	24.132.236.171	22.344.768.691	4.287.467.480	4.287.467.480

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng tín dụng số 22/2017/1219730/HĐTĐ ngày 13/10/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 7.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 1 năm;
- + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp tài sản thiết bị mạ dây công suất 12.000 T/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Báo cáo tài chính

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	19.654.400.000	3.170.891.029	6.223.107.799	29.048.398.828		
Lãi trong năm trước	-	-	4.015.964.469	4.015.964.469		
Phân phối lợi nhuận	-	510.175.414	(510.175.414)	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(523.583.897)	(523.583.897)		
Chi trả cổ tức năm 2015	-	-	(2.456.800.000)	(2.456.800.000)		
Số dư cuối năm trước	19.654.400.000	3.681.066.443	6.748.512.957	30.083.979.400		
Số dư đầu năm nay	19.654.400.000	3.681.066.443	6.748.512.957	30.083.979.400		
Lãi trong năm này	-	-	3.681.682.878	3.681.682.878		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(602.394.670)	(602.394.670)		
Chi trả cổ tức năm 2016	-	-	(2.555.072.000)	(2.555.072.000)		
Số dư cuối năm nay	19.654.400.000	3.681.066.443	7.272.729.165	30.608.195.608		

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 32/VTD-DHDCD ngày 01/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100'00	4.015.964.469
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15'00	602.394.670
Chi trả cổ tức (bằng 13% vốn điều lệ)	63'62	2.555.072.000
Lợi nhuận chưa phân phối	21'38	858.497.799

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam	40'06	7.874.500.000	40'06	7.874.500.000
Các đối tượng khác	59'94	11.779.900.000	59'94	11.779.900.000
	100	19.654.400.000	100	19.654.400.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	19.654.400.000	19.654.400.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	19.654.400.000	19.654.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.555.072.000	2.456.800.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	2.555.072.000	2.456.800.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.965.440	1.965.440
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.965.440	1.965.440
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.965.440	1.965.440
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.681.066.443	3.681.066.443
	3.681.066.443	3.681.066.443

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	76'91	87'91

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	93.312.906.946	88.861.968.447
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.486.536.482	3.917.195.370
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	579.886.400	622.574.960
	97.379.329.828	93.401.738.777
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	3.512.529.400	2.204.572.410

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	85.895.643.407	79.175.175.880
Giá vốn cho thuê mặt bằng	2.319.839.542	3.221.355.726
Giá vốn bán phế phẩm, phế liệu	579.197.764	601.728.010
	88.794.680.713	82.998.259.616

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.328.964	46.478.619
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	24.285
	7.328.964	46.502.904

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	145.861.927	56.095.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	7.332	-
	145.869.259	56.095.223

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.977.700	45.051.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.331.452	-
Chi phí khác bằng tiền	9.867.710	215.504.420
	215.176.862	260.555.920

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.188.124	159.104.604
Chi phí nhân công	3.197.529.134	2.818.485.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.075.067	107.075.067
Thuế, phí, lệ phí	110.340.572	107.651.539
Hoàn nhập dự phòng	(14.000.000)	(72.732.820)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	458.590.695	617.627.711
Chi phí khác bằng tiền	1.377.390.992	1.289.626.256
	5.399.114.584	5.026.837.586

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền hỗ trợ đi đời nhà xưởng	1.800.000.000	-
Thu nhập khác	8.016.674	56.960
	1.808.016.674	56.960

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	40.362.612
Chi phí khác	324.200	141.446
	324.200	40.504.058

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.639.509.848	5.066.046.238
Các khoản điều chỉnh tăng	449.625.000	484.362.612
- Chi phí không hợp lệ	149.625.000	184.362.612
- Cho thuê mặt bằng năm nay	300.000.000	300.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(300.000.000)	(300.000.000)
- Cho thuê mặt bằng năm trước	(300.000.000)	(300.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.789.134.848	5.250.408.850
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	957.826.970	1.050.081.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	151.358.411	(660.693.487)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(612.218.897)	(238.029.871)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh	496.966.484	151.358.411

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.681.682.878	4.015.964.469
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.681.682.878	4.015.964.469
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.965.440	1.965.440
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.873	2.043

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.883.242.781	62.867.834.354
Chi phí nhân công	11.893.844.939	12.428.001.249
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.931.331.031	1.944.888.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.779.653.707	7.674.424.238
Chi phí khác bằng tiền	2.373.084.444	2.496.475.775
	95.861.156.902	87.411.623.917

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.523.780.192	-	5.878.763.871	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.221.656.652	(291.247.638)	3.475.091.675	(305.247.638)
	5.745.436.844	(291.247.638)	9.353.855.546	(305.247.638)
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			4.287.467.480	2.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			7.952.301.303	3.547.446.419
Chi phí phải trả			60.942.427	58.333.333
			12.300.711.210	6.105.779.752

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.523.780.192	-	-	1.523.780.192
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.786.409.014	144.000.000	-	3.930.409.014
	5.310.189.206	144.000.000	-	5.454.189.206

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Tại ngày 01/01/2017

Tiền và các khoản tương đương tiền	5.878.763.871	-	-	5.878.763.871
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.069.844.037	100.000.000	-	3.169.844.037
	8.948.607.908	100.000.000	-	9.048.607.908

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	4.287.467.480	-	-	4.287.467.480
Phải trả người bán, phải trả khác	7.888.301.303	64.000.000	-	7.952.301.303
Chi phí phải trả	60.942.427	-	-	60.942.427
	12.236.711.210	64.000.000	-	12.300.711.210
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	3.483.446.419	64.000.000	-	3.547.446.419
Chi phí phải trả	58.333.333	-	-	58.333.333
	6.041.779.752	64.000.000	-	6.105.779.752

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	24.132.236.171	8.492.385.407
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	22.344.768.691	10.649.548.386

33 . THÔNG TIN KHÁC

a) Hợp tác đầu tư dự án Khu phức hợp Trung tâm Thương mại - Chung cư Steel Cali

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT ngày 02 tháng 07 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 130/2014/PLHTĐT ngày 30 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty CP Lưới thép Bình Tây, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng nhà Thảo Loan và Công ty CP Thương mại Dịch vụ Kinh doanh nhà Thảo Loan, các bên sẽ thành lập Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan để xây dựng dự án khu phức hợp Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Theo đó Công ty CP Lưới thép Bình Tây cam kết sẽ góp 30% trong tổng vốn đầu tư dự án là 200.000.000.000 VND bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Ngày 07/10/2014, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 5124/UBND-ĐTMT công nhận Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan làm chủ đầu tư Dự án Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại địa chỉ 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang thực hiện các thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất do vậy Công ty chưa bàn giao mặt bằng cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan.

b) Hợp tác đầu tư dự án Chung cư Sông Hồng - Bình Tây

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/HĐLD-2009 ngày 24 tháng 09 năm 2009 giữa Công ty CP Lưới thép Bình Tây, Tổng Công ty Sông Hồng và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng, các bên sẽ thành lập Công ty CP Sông Hồng - Bình Tây để xây dựng chung cư Sông Hồng - Bình Tây. Theo đó, Công ty CP Lưới thép Bình Tây cam kết sẽ góp 25% trong tổng số vốn đầu tư của dự án là 40.000.000.000 VND bằng lợi thế sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ 165/5 Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm 31/12/2017, các bên đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để trình phê duyệt Dự án do vậy Công ty chưa bàn giao mặt bằng cho Công ty CP Sông Hồng - Bình Tây.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh thép	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	93.312.906.946	4.066.422.882	97.379.329.828
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.417.263.539	1.167.385.576	8.584.649.115
Tài sản bộ phận trực tiếp	43.577.806.890	-	43.577.806.890
Tài sản không phân bổ	-	-	2.137.910.422
Tổng tài sản	43.577.806.890	-	45.715.717.312
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	10.802.627.658	-	10.802.627.658
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	4.304.894.046
Tổng nợ phải trả	10.802.627.658	-	15.107.521.704

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh lưới thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.512.529.400	2.204.572.410
Công ty CP Thép Biên Hòa	Công ty con của TCT	472.460.000	298.083.800
Công ty CP Cơ khí Luyện kim	Công ty con của TCT	58.046.500	49.428.000
Công ty CP Thép Thủ Đức	Công ty con của TCT	175.762.000	187.275.000
Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	550.361.500	1.470.786.530
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	60.463.900	198.999.080
Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm mạ Công nghiệp Vingal	Công ty con của TCT	2.195.435.500	-
Mua nguyên liệu, hàng hoá		27.056.897.501	19.768.164.627
Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	21.568.000	61.797.600
Công ty CP Thép Biên Hòa	Công ty con của TCT	-	3.073.125.000
Công ty CP Kim khí TP.HCM	Công ty con của TCT	23.569.267.526	16.585.242.027
Tổng Công ty Thép Việt Nam (TCT)	Cổ đông lớn	48.000.000	48.000.000
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Công ty con của TCT	3.232.632.500	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	185.429.475	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		115.526.950	73.373.300
Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	-	56.460.800
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	18.810.000	16.912.500
Công ty CP Thép Biên Hòa	Công ty con của TCT	49.204.100	-
Công ty CP Thép Thủ Đức	Công ty con của TCT	47.512.850	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Phải trả người bán ngắn hạn		6.145.783.841	34.742.793
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	74.287.465	34.742.793
Công ty CP Kim khí TP.HCM	Công ty con của TCT	6.071.496.376	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

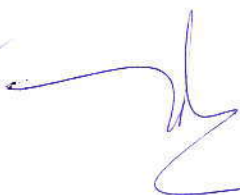
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.159.879.519	1.100.536.074
Thu nhập của Tổng Giám đốc	613.989.479	535.703.482

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

- Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Huy Long
Người lập



Lê Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lê Hải Tú
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018

